



Số: 05/CBTT.CMC

(V/v: Công bố thông tin định kỳ về tình
hình tài chính)

Cà Mau, ngày 29 tháng 03 năm 2024

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Căn cứ quy định tại Thông tư số 122/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ công bố thông tin và báo cáo theo quy định của Nghị định số 153/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế, Công ty Cổ phần CAMIMEX gửi nội dung công bố thông tin định kỳ về tình hình tài chính như sau:

1. Thông tin doanh nghiệp

- Tên doanh nghiệp: **CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX**
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 333 Cao Thắng, Phường 8, TP Cà Mau, Tỉnh Cà Mau, Việt Nam
- Số điện thoại: 0290 3831608
- Loại hình doanh nghiệp: Công ty Cổ phần
- Lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính:
 - Chế biến thủy sản các loại; Nuôi tôm;
 - Nuôi trồng thủy sản nội địa;
 - Xuất khẩu nông sản thực phẩm;
 - Xuất khẩu thủy sản các loại;
 - Nhập khẩu nguyên vật liệu, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh, thuốc thú y thủy sản, thuốc bảo vệ thực vật), vật tư, thiết bị, hàng hóa phục vụ sản xuất và đời sống ngư dân;
 - Bán buôn tổng hợp;
 - Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho đông lạnh.





2. Tình hình tài chính

- Kỳ báo cáo: năm 2023 (từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/12/2023).

- Các chỉ tiêu tài chính cơ bản của doanh nghiệp trong kỳ:

STT	Chỉ tiêu	Kỳ trước	Kỳ báo cáo
1.	Vốn chủ sở hữu	966,080,670,007	1,010,864,270,308
2.	Vốn góp của chủ sở hữu (đồng)	630,000,000,000	944,999,980,000
3.	Các quỹ trích từ lợi nhuận sau thuế (đồng)	0	0
4.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (đồng)	317,685,971,164	54,161,778,957
5.	Tổng số nợ phải trả (đồng)	1,248,118,108,083	1,735,051,239,197
6.	Nợ vay ngân hàng (đồng)	933,370,788,227	1,353,896,060,045
7.	Nợ vay từ phát hành trái phiếu ra công chúng (đồng)	0	0
8.	Nợ vay từ phát hành trái phiếu riêng lẻ (đồng)	99,636,389,668	0
9.	Nợ phải trả khác (đồng)	37,334,311,470	31,656,508,561
10.	Hệ số nợ phải trả/ tổng tài sản (lần)	0.56	0.63
11.	Hệ số nợ phải trả/ Vốn chủ sở hữu (lần)	1.29	1.71
12.	Hệ số thanh toán ngắn hạn (tài sản ngắn hạn/nợ ngắn hạn) (lần)	0.45	1.24
13.	Hệ số thanh toán nhanh ((tài sản ngắn hạn – hàng tồn kho) / nợ ngắn hạn) (lần)	0.64	0.44
14.	Hệ số Tổng dư nợ trái phiếu doanh nghiệp/vốn chủ sở hữu (lần)	0	0
15.	Hệ số dư nợ TP phát hành riêng lẻ/Vốn chủ sở hữu (lần)	0.10	0
16.	Lợi nhuận trước thuế (đồng)	120,989,010,885	51,486,985,459
17.	Lợi nhuận sau thuế (đồng)	106,910,789,119	44,783,600,301
18.	Lỗ Lũy kế (nếu có)	0	0
19.	Hệ số lợi nhuận sau thuế/tổng tài sản (%)	4.83%	1.63%
20.	Hệ số lợi nhuận sau thuế/ vốn chủ sở hữu (%)	11.07%	4.43%



Chúng tôi cam kết chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về nội dung, tính chính xác của thông tin công bố nêu trên./.

Nơi nhận:

- Như Kg;
- Lưu: VP;

Tài liệu kèm theo bao gồm:

Báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
HOẶC NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN**

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)



Chủ tịch HĐQT

Bùi Sĩ Tuấn

